

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/ 2025/ DS-ST

Ngày: 18 - 3 - 2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Ông Trần Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn. TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2025/QĐST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 199/QĐ - HPT, ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở: 266 - B N, Phường V, quận C, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng giám đốc. Bà D ủy quyền cho ông Hoàng Thanh H, chức vụ: giám đốc chi nhánh, theo Quyết định ủy quyền số 4037/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024. Ông Hoàng Thanh H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn N - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo giấy uỷ quyền số 112/2025/UQ-CNĐN ngày 02/01/2025). Địa chỉ: 1 B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Số F A (tổ A) phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/7/2018, bà Phạm Thị Hồng T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S. Theo đó ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T hạn mức sử dụng là 40.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ trong quá trình sử dụng bà T đã thực hiện các giao dịch rút và trả tiền nhiều lần, tính đến ngày 22/06/2023 tổng số tiền giao dịch lên đến 514.230.000 đồng. Theo đó trong quá trình sử dụng thẻ bà T đã không tiếp tục thanh toán tiếp nữa. Tính đến ngày 23/4/2023 bà T còn nợ 39.684.568 đồng không trả nữa mặc dù ngân hàng I đã nhiều lần nhắc nhở cũng không có thiện chí trả nợ (vi phạm điều 02 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ) bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ). Do đó Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Phạm Thị Hồng T trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền 81.020.647đồng (trong đó gốc 39.684.568 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2023 đến 18/3/2025 là 41.336.079 đồng).

Kể từ ngày 19/3/2025 yêu cầu bà T tiếp tục thanh toán lãi cho theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

* Bị đơn Phạm Thị Hồng T vắng mặt và cũng không có ý kiến thể hiện tại hồ sơ

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng .

Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự . Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Thị Hồng T

- Buộc bà Phạm Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 81.020.647đồng (trong đó gốc 39.684.568 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2023 đến 18/3/2025 là 41.336.079 đồng).

Kể từ ngày 19/3/2025 bà T còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Phạm Thị Hồng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà Phạm Thị Hồng T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt .

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 05/7/2018, bà Phạm Thị Hồng T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S. Theo đó ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T hạn mức sử dụng là 40.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ trong quá trình sử dụng bà T đã thực hiện các giao dịch rút và trả tiền nhiều lần, tính đến ngày 22/06/2023 tổng số tiền giao dịch lên đến 514.230.000 đồng. Theo đó trong quá trình sử dụng thẻ bà T tiếp tục thực hiện rút và không thanh toán tiếp nữa. Tính đến ngày 23/4/2023 bà T còn nợ 39.684.568 đồng không trả nữa mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở cũng không có thiện chí trả nợ (vi phạm điều 02 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ) bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thoả thuận tại bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ). Do đó Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Phạm Thị Hồng T trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền 81.020.647đồng (trong đó gốc 39.684.568 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2023 đến 18/3/2025 là 41.336.079 đồng).

Kể từ ngày 19/3/2025 yêu cầu bà T tiếp tục thanh toán lãi theo thoả thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị Hồng T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được

thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Phạm Thị Hồng T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 81.020.647 đồng (trong đó gốc 39.684.568 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2023 đến 18/3/2025 là 41.336.079) đồng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này là phù hợp với Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Kể từ ngày 19/3/2025 bà T tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Phạm Thị Hồng T phải chịu là 4.051.032 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.742.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003513 ngày 07 tháng 11 năm 2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự . Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Phạm Thị Hồng T.

Xử:

1/Tuyên buộc bà Phạm Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 81.020.647 đồng (trong đó gốc 39.684.568 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2023 đến 18/3/2025 là 41.336.079 đồng).

Kể từ ngày 19/3/2025 bà T còn phải tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc .

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng T phải chịu 4.051.032 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.742.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003513 ngày 07 tháng 11 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

- Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Lương Thị Anh